TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày 01 tháng 6 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương
Ông Thân Quốc Hùng

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyên Y bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐ-PT ngày 02/4/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐ-PT ngày 17/4/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐ-PT ngày 17/5/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Chu Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tổ 18B, khu phố1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

-Người kháng cáo, kháng nghị: Anh Chu Ngọc H, Viện kiểm sát nhân dân huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Chu Ngọc H vào tháng 3/2008, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi tổ chức cưới xong, chị và anh H ở riêng, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 2 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không chịu làm ăn, anh H thường xuyên rượu chè, cờ bạc, anh H hay chửi và đánh đập chị, ngoài ra anh H còn nghiện hút chất ma túy, chị và anh H đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, hiện nay cháu Y đang ở với chị. Chị nhận nuôi cháu Y, tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra, thu nhập của chị hiện nay là 4.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ: Chị và anh H không nợ và không cho ai vay.

Anh H xác nhận quan hệ hôn nhân như chị S trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do chị S không hiểu và không cùng anh vượt qua khó khăn, chị S luôn trì triết anh nên không khí gia đình luôn ngột ngạt, cháu Y phải chứng kiến anh và chị S cãi nhau. Anh không muốn gia đình đổ vỡ, anh mong Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Với nội dung trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyên Y đã áp dụng Điều 56; 58 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn anh Chu Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho chị S nuôi cháu Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/000984 ngày 03/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 28/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyên Y. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nói trên do vi phạm về thẩm quyền giải quyết và vi phạm về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản cho bị đơn là anh H.

Ngày 17/5/2018 anh Chu Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 19/12/2017, cùng ngày anh H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc giao con chung Chu Thị Hải Y cho chị S nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại giao con chung cho anh nuôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị S không rút đơn khởi kiện, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và kháng cáo không đồng ý về giải quyết con chung. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút kháng nghị. Do vắng mặt anh H nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Chị Phạm Thị S trình bầy: Chị nhất trí rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, chị không đồng ý kháng cáo của anh H. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Giao con chung cho chị nuôi vì hiện tại cháu Yến đang ở với chị, học tập ổn định gần nhà, chị có thu nhập ổn định và điều kiện nuôi con, anh H hiện nay đi làm ăn xa, không quan tâm chăm sóc cháu Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị S và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang rút toàn bộ kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyên Y;

Đối với kháng cáo của anh Chu Ngọc H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng: Bị đơn anh Chu Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]Về nội dung: Chị S kết hôn với anh Chu Ngọc H vào tháng 3/2008, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 2/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu xin được ly hôn anh H. Bản án sơ thẩm xử cho Chị Phạm Thị S được ly hôn anh Chu Ngọc H.

Về con chung: Chị S và anh H có 01 con chung là Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, hiện nay cháu Yến đang ở với chị S, khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Y. Bản án sơ thẩm giao cho chị S nuôi cháu Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngày 28/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyên Y đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyên Y. Đề nghị Hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 312 và điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyên Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/5/2018 anh H trình bầy anh không nhận được bản án. Tại phiên tòa anh mới được nghe Hội đồng xét xử đọc nội dụng bản án anh mới biết. Anh cũng có đơn đề nghị gửi Tòa án nhiều lần về việc không đồng ý ly hôn và giải quyết con chung giao cho chị S nuôi dưỡng. Nhưng không hiểu nên anh cũng không biết để thực hiện kháng cáo. Anh đề nghị hoãn phiên tòa để anh làm thủ tục kháng cáo bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy đơn đề nghị của anh H có nội dung không đồng ý giải quyết ly hôn và nguyện vọng được nuôi con nhưng Tòa sơ thẩm không hướng dẫn anh H làm đơn kháng cáo. Để đảm bảo quyền lợi cho anh H. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để anh H đến Tòa án nhân dân huyên Y làm thủ tục kháng cáo đối bản án sơ thẩm. Sau khi hoãn phiên tòa, cùng ngày 17/5/2018 anh H có đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo. Tại đơn kháng cáo anh H trình bầy anh đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý với quyết định của Tòa án về việc giao con chung Chu Thị Hải Y cho chị S. Đề nghị cấp phúc xem xét giao con chung cho anh nuôi. Xét kháng cáo của anh H. Hội đồng xét xử thấy:

Chị S và anh H có 01 con chung là Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, hiện nay cháu Y đang ở với chị S. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên cũng như nguyện vọng của cháu Y và để ổn định tâm lý và học

tập của cháu Y nên giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ và đảm bảo quyền và lợi ích con chung. Nên căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh H giữ nguyên bản án sơ thẩm. Giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Thị Hải Y.

Nếu sau này qúa trình nuôi con anh H thấy chị S không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm giải quyết có vi phạm về tố tụng như: vi phạm về thẩm quyền giải quyết cũng như vi phạm trong việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho anh Chu Ngọc H mà kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyên Y nêu là có căn cứ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phúc thẩm đã rút toàn bộ kháng nghị vì xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm với lý do anh H có đơn trình bầy, tại biên bản làm việc ngày 14/5/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/5/2018 anh H đồng ý ly hôn do vợ chồng đã ly thân từ năm 2016. Hiện nay không liên lạc và xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Nhưng Tòa sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm nhưng vi phạm nói trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Chu Ngọc H phải chịu án 300.000 đồng phí dân sự phúc do kháng cáo không được chấp nhận theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xác nhận anh H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Ngọc H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn anh Chu Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị S nuôi cháu Chu Thị Hải Y, sinh tháng 8 năm 2008, tiền cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Chu Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/000984 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

Anh Chu Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001689 ngày 17/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyên Y, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuân thi hành án yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND huyện Y;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Y;
-Chi Cục THADS huyện Y;
-UBND xã Q, Y;
-Các đương sự;
-Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền